

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/10/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thái Lãm và ông Nguyễn Đăng Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thị Hàn Ni - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B – Sinh năm: 1990;

Trú tại: khu phố M, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn:* Ông Lê Huy C – Sinh năm: 1978;

Trú tại: khu phố M, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Bùi Thị B và bị đơn ông Lê Huy C trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị B và ông Lê Huy C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường Đ, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà B là do bất đồng quan điểm

nên vợ chồng hay kinh cãi; hai bên đã sống xa nhau từ năm 2016, không ai quan tâm ai. Theo ông C, bà B thường đi làm xa, vợ chồng chỉ kinh cãi lặt vặt, không có mâu thuẫn gì lớn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà B xin ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Thị Minh A, sinh ngày 20/11/2010 và Lê Thị My N, sinh ngày 08/5/2015. Các con đang ở với ông C và đều có nguyện vọng xin ở với ông C. Khi ly hôn, bà B và ông C thống nhất giao 02 con cho ông C nuôi, bà B tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, các bên đương sự không yêu cầu gì khác.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B; về con chung: giao cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu A và N, bà B cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con khi ly hôn với bị đơn ông Lê Huy C, hộ khẩu thường trú tại: khu phố M, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Bà B và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường Đ, tỉnh Đắk Lắk) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2008, ngày 15/12/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính, quan điểm bất đồng nên xảy ra kinh cãi. Hiện nay hai bên đã sống xa nhau, không ai quan tâm ai. Xét mâu thuẫn giữa bà B, ông C thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[2.2] Con chung: bà B và ông C có hai con chung tên là Lê Thị Minh A, sinh ngày 20/11/2010 và Lê Thị My N, sinh ngày 08/5/2015. Các con hiện do ông C trực tiếp nuôi dưỡng và các con đều có nguyện vọng xin tiếp tục ở với ông C sau khi bà B và ông C ly hôn. Khi ly hôn, bà B và ông C thống nhất giao 02 con cho ông C nuôi, bà B tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng (2.000.000 đồng/02 con/tháng); nên chấp nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị B.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị B được ly hôn ông Lê Huy C.

[2] Về con chung: giao cho ông Lê Huy C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Lê Thị Minh A, sinh ngày 20/11/2010 và Lê Thị My N, sinh ngày 08/5/2015. Bà Bùi Thị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Thị Minh A và Lê Thị My N 1.000.000 đồng/con/tháng (2.000.000 đồng/02 con/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi phát sinh một

trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bà Bùi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: bà Bùi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007476 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh Đắk Lắk), nên bà Bùi Thị B phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 12;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lệ Hiền